

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2023/HS-ST
Ngày 19/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Cấn;

2/ Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 231/2023/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Cẩm P, sinh năm 1993; nơi sinh: Sóc Trăng; thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Cẩm P, sinh năm 1969 và bà Lý Thị Kim L, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 19/3/2018 thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước xử phạt 16 tháng tù tại Bản án số 50/2018/HSST ngày 19/7/2018. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2021, chưa bồi thường thiệt hại, chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

- Ngày 04/02/2018 thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 04 tháng tù tại Bản án số 78/2018/HSST ngày 17/12/2018. Tổng hợp với hình phạt của Bản án số 50/2018/HSST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 10 tháng tù.

Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2021; chưa bồi thường thiệt hại, chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Ngày 13/02/2023 thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 11/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2023 cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

- Ông Bùi Anh T, sinh năm 1979; thường trú: Số 700/32 Quốc lộ 13, khu phố 4, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: phường Uyên H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1988; thường trú: T, xã V, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: khu phố A, phường U, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1982; thường trú: đường T, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Ông Mạc Trung Đ, sinh năm 1994; thường trú: Bản B, xã N, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: khu phố Ô, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; thường trú: đường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Hà Văn S, bà Nguyễn Ngọc Bảo X; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Cẩm P là nhân viên sửa xe của Trường ngoại ngữ V tại khu dân cư U, phường U, thành phố Tân Uyên do ông Bùi Anh T làm Hiệu trưởng.

Ngày 10/02/2023, P mượn xe mô tô biển số 50S2 – 3985 của ông Bùi Anh T để làm phương tiện đi lại. Khoảng 12 giờ ngày 13/02/2023, P tiếp tục mượn 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20S của ông Lê Văn Đ là giáo viên của Trường ngoại ngữ V để gọi cho cửa hàng bán phụ tùng xe ô tô. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày 13/02/2023, P đi qua phòng làm việc của ông Bùi Anh T thấy tại vị trí bàn làm việc có 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng nên P đi đến lấy chiếc nhẫn cất vào túi quần. Sau đó, P điều khiển xe mô tô 50S2 – 3985 đến tiệm vàng K thuộc phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương do bà Đỗ Thị H làm chủ để bán chiếc nhẫn vàng; loại vàng 14k có trọng lượng 1,625 chỉ cho bà H với số tiền là 6.525.000 đồng.

Sau khi bán vàng, P điều khiển xe về phòng trọ thuộc phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 13 giờ ngày 16/02/2023, do không còn

tiền tiêu xài nên P nảy sinh ý bán xe và điện thoại mà P đã mượn của ông Bùi Anh T và ông Lê Văn Đ, P đi đến cửa hàng điện thoại (không rõ tên, địa chỉ) tại ngã ba Vũng Tàu thuộc thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai bán điện thoại di động hiệu Samsung A20S với số tiền 500.000 đồng. Ngày 19/02/2023 P điều khiển xe mô tô 50S2 – 3985 đến tiệm sửa xe máy T thuộc khu phố Ô, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương gặp ông Mạc Trung Đ và bán cho ông Đ chiếc xe với số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 01/3/2023, ông Bùi Anh T và ông Lê Văn Đ đến công an phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên trình báo vụ việc. Công an phường Uyên Hưng mời P đến trụ sở làm việc. Tại công an phường, P đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Bùi Anh T và ông Lê Văn Đ. Sau đó, Công an phường Uyên Hưng đã tạm giữ 01 xe mô tô biển số 50S2 – 3985 do ông Mạc Trung Đ giao nộp ngày 02/3/2023.

Công an phường Uyên Hưng lập hồ sơ ban đầu và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân Uyên thụ lý theo thẩm quyền.

Đối với chiếc nhẫn vàng do P trộm cắp của ông Bùi Anh T, P đã bán cho tiệm vàng K do bà Đỗ Thị H làm chủ, sau khi mua của P thì bà H đã đưa đi nấu chảy nên không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 25/KLTS – TTHS ngày 08/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 50S2 – 3985 giá trị 13.333.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 26/KLTS – TTHS ngày 08/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20S giá trị 2.433.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 32/KLTS – TTHS ngày 13/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng; loại vàng 14k; trọng lượng 1,625 chỉ giá trị 5.352.750 đồng.

Xe mô tô biển số 50S2 - 3985 do bà Nguyễn Thị M đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Bà M khai nhận: xe 50S2 – 3985 đã bán cho ông Bùi Anh T năm 2003 với giá 28.000.000 đồng, khi bán xe không có lập hợp đồng mà chỉ nhận tiền và giao xe cùng giấy đăng ký, hiện bà M không còn quyền lợi gì đến xe mô tô. Ông T khai đã mua xe mô tô nêu trên vào năm 2003 với giá 28.000.000 đồng nhưng không lập hợp đồng mua bán, mục đích mua xe là làm phương tiện đi lại. Ngày 01/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản giao trả lại xe mô tô cho ông Bùi Anh T.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Lê Văn Đ và ông Mạc Trung Đ không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường; ông Bùi Anh T yêu cầu được thu hồi tài sản đã bị bị cáo chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn Đ vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị điện thoại di động; ông Bùi Anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị nhẫn vàng; ông Mạc Trung Đ yêu cầu bị cáo phải trả lại số

tiền mà ông Đ đã mua xe là 2.000.000 đồng. Đồng thời, các bị hại ông Bùi Anh T và ông Lê Văn Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số 250/CT-VKSTU ngày 30/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố bị cáo Trần Cẩm P về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và các Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Cẩm P từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Trần Cẩm P phải chấp hành hình phạt chung từ 27 tháng đến 33 tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Cẩm P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và không trình bày lời bào chữa.

Bị hại ông Bùi Anh T và ông Lê Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách nhân đạo của Nhà nước, an tâm cải tạo sớm hòa nhập cộng đồng, trở thành người lương thiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Mạc Trung Đ yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng mà ông Đ đã giao cho bị cáo khi mua bán xe mô tô.

Nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Ngày 10/02/2023 và ngày 13/02/2023 tại Trường ngoại ngữ V phường U, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, sau khi được ông Bùi Anh T cho mượn xe mô tô biển số 50S2 –

3985 và ông Lê Văn Đ cho mượn điện thoại di động hiệu Samsung A20S, bị cáo Trần Cẩm P đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe và điện thoại bán lấy tiền tiêu xài. Tại thời điểm bị chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 50S2 – 3985 có giá trị là 13.333.000 đồng, điện thoại di động hiệu Samsung A20S có giá trị 2.433.000 đồng.

Ngày 13/02/2023, tại Trường ngoại ngữ V thuộc phường U, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Trần Cẩm P đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt của ông Bùi Anh T 01 nhẫn vàng 14K có trọng lượng 1,625 chỉ, trị giá là 5.352.750 đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo Trần Cẩm P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý nghi ngờ, mất lòng tin lẫn nhau trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lợi dụng sự tin tưởng và lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên đã cố ý thực hiện. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và quá trình điều tra, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị Tòa án xử phạt tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[7] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị xử phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Bị hại ông Lê Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Mạc Trung Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại; bị hại ông Bùi Anh T yêu cầu thu hồi tài sản đã bị bị cáo chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, các bị hại ông Bùi Anh T và ông Lê Văn Đ tự nguyện không

yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị nhẫn vàng và điện thoại di động; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Mạc Trung Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng và bị cáo chấp nhận với yêu cầu này. Xét đây là ý chí tự nguyện, phù hợp với thiệt hại đã xảy ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội, bị kết án và phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Cẩm P phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Cẩm P 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Trần Cẩm P phải chấp hành hình phạt chung là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Trần Cẩm P phải bồi thường cho ông Mạc Trung Đ số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Cẩm P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thảo – Nguyễn Thanh Cần

Võ Thành Hiệp